

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2026.
“Ly hôn, tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Luân Văn Lý và bà Nguyễn Thị Hường.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Biển – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2025/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ksor H - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai (nay là xóm P, xã I, tỉnh Gia Lai).

- Bị đơn: Nông Đình L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm D, xã H, tỉnh Cao Bằng).

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn Ksor H trình bày:*

Chị và anh Nông Đình L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 14/4/2014.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, giữa vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống; anh Nông Đình L sống thiếu trách nhiệm với gia đình, đi làm không đưa tiền về để lo cho vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không còn yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau; mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Ksor H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Đình Lưu .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nông Ma L1, sinh ngày 30/8/202014 và Nông Thị Ngọc L2, sinh ngày 23/9/2019, hiện nay hai con đang ở cùng anh L. Khi ly hôn anh L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Ksor H không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn Nông Đình L trình bày:*

Anh L và chị Ksor H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 14/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm D, xã H (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng). Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau, chị Ksor H đi làm ăn xa nhà, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Kể từ khi chị Ksor H đi làm xa nhà từ năm 2021 cho đến nay, chị chỉ về thăm chồng và thăm con được hai lần. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Nay chị Ksor H yêu cầu ly hôn với anh L, anh L hoàn toàn nhất trí việc ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nông Ma L1, sinh ngày 30/8/2014 và Nông Thị Ngọc L2, sinh ngày 23/9/2019, hiện nay hai con đang ở cùng anh L. Trường hợp ly hôn anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị Ksor H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

** Tại bản biên bản lấy lời khai cháu Nông Ma L1 có ý kiến:* Trường hợp bố mẹ không chung sống với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với bố.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ksor H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết, xét xử vắng mặt với lý do đường sá xa xôi, sức khỏe không bảo đảm nên không thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ án; đồng thời chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu ly hôn với

anh Nông Đình Lưu . Do đó, chị Ksor H không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa. Anh Nông Đình L cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vào ngày hôm nay theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ksor H, cho chị Ksor H được ly hôn với anh Nông Đình Lưu . 1

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Ma L1, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Nông Thị Ngọc L2, sinh ngày 23/9/2019, cho anh Nông Đình L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ksor H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm D, xã H, tỉnh Cao Bằng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ksor H và bị đơn Nông Đình L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Ksor H và anh Nông Đình Lưu .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ksor H và anh Nông Đình L kết hôn vào ngày 14/4/2014 trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng) là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12, quyển số 01/2014, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng)

Nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn là do hai bên sống xa nhau trong thời gian dài, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và thiếu sự quan tâm, trách nhiệm đối với gia đình. Vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định tình cảm vợ chồng

không còn và thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ksor H, cho chị Ksor H được ly hôn với anh Nông Đình L là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Ksor H và anh Nông Đình L có 02 con chung là cháu Nông Ma L1, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Nông Thị Ngọc L2, sinh ngày 23/9/2019. Hiện nay, cả hai cháu đang sinh sống cùng anh Nông Đình Lưu. Khi ly hôn, chị Ksor H đề nghị giao cả hai con chung cho anh Nông Đình L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Nông Đình L cũng nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con và không yêu cầu chị Ksor H cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nông Ma L1 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố. Xét thấy việc giao hai cháu Nông Ma L1, sinh ngày 30/8/2014 và Nông Thị Ngọc L2, sinh ngày 23/9/2019 cho anh Nông Đình L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con, điều kiện thực tế nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu và phù hợp với thực tế.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Đ Lưu không yêu cầu chị Ksor H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh L, không trái với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ksor H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228, Điều 238 và các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ksor H. Cho chị Ksor H được ly hôn anh Nông Đình Lưu .

2. Về con chung: Anh Nông Đình L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Nông Ma L1, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Nông Thị Ngọc L2, sinh ngày 23/9/2019 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Ksor H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Nông Đình Lưu K yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Ksor H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Chị Ksor H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số 0000232 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị Ksor H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án, VKS tỉnh Cao Bằng;
- VKS khu vực 1 – Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Quốc Khánh